

Ngày: 05/11/2020

V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Tuấn Anh

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 407/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Ngọc K, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Công T, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 02/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Trần Ngọc K trình bày:*

Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà và ông T đã ly thân 03 năm nay. Nay bà yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 03 người con chung tên Huỳnh Văn T – sinh năm 1994, Huỳnh Chí N – sinh ngày 09/7/1994 và Huỳnh Mỹ Nh – sinh ngày 02/6/1999. Hiện nay cháu T đã mất, cháu N và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

** Tại biên bản hòa giải ngày 29/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Huỳnh Công T trình bày:*

Ông thống nhất với phần trình bày của bà K về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và mâu thuẫn vợ chồng.

Nay ông thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân với bà K do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung: Cháu T đã mất, cháu N và cháu Nh đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Ngọc K khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Huỳnh Công T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Ông T có địa chỉ tại ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà Trần Ngọc K và ông Huỳnh Công T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng ông bà không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận bà Trần Ngọc K và ông Huỳnh Công T là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà K và ông T có 03 người con chung tên Huỳnh Văn T – sinh năm 1994, Huỳnh Chí N – sinh ngày 09/7/1994 và Huỳnh Mỹ Nh – sinh ngày 02/6/1999. Hiện nay cháu T đã mất, cháu N và cháu Nh đã trưởng thành, không ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà K và ông T xác định thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung, không ai yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc K phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần Ngọc K và ông Huỳnh Công T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Ngọc K phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 02 tháng 10 năm 2020 bà K có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0011417 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa